

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hoạt động đối với đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15;

Thực hiện Công văn số 512/HĐND-VP ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Thường trực HĐND tỉnh về việc triển khai Thông báo số 358-TB/TU ngày 29/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu Quy định số 113-QĐ/VPTW, ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quy quyết định nội dung, mức chi hoạt động đối với đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy;

Căn cứ Quy định số 298-QĐ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở ở xã, phường, đặc khu; Quy định số 299-QĐ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ

quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Tại điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương quy định về thẩm quyền quy định mức chi như sau: “*a) Chi thực hiện xây dựng và thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án) do tỉnh ủy, thành ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giao nhiệm vụ, áp dụng mức chi theo Điều 5; chi hội nghị thực hiện theo quy định tại Điều 8; chi bồi dưỡng khác thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này*”; *b) Căn cứ các nội dung, mức chi tại Quy định này (trừ nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này), văn phòng tỉnh ủy, thành ủy chủ trì, phối hợp với sở tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (bằng văn bản) đề nghị hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định hoặc giao hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh ủy, thành ủy, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 04/5/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 391-QĐ/TU về bãi bỏ Quy định số 22-QĐ/TU, ngày 29 tháng 6 năm 2025 quy định chế độ chi xây dựng, thẩm định văn bản và chế độ chi các đoàn kiểm tra, giám sát của Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh và Quy định số 25-QĐ/TU, ngày 21 tháng 7 năm 2025 quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy. Như vậy, một số chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các xã, phường chưa có quy định áp dụng.

Thực hiện Thông báo số 358-TB/TU ngày 29/4/2026 của Tỉnh ủy về việc ban hành các kế hoạch, quyết định, chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nội dung, mức chi hoạt động đối với đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh quyết định nội dung, mức chi bảo đảm theo Quy định số 113- QĐ/VPTW, ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng, phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ngày 04/5/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 391-QĐ/TU về bãi bỏ Quy định số 22-QĐ/TU, ngày 29 tháng 6 năm 2025 quy định chế độ chi xây dựng, thẩm định văn bản và chế độ chi các đoàn kiểm tra, giám sát của Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh và Quy định số 25-QĐ/TU, ngày 21 tháng 7 năm 2025 quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy. Như vậy, một số chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các xã, phường chưa có quy định để tổ chức triển khai thực hiện. Do đó, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hoạt động đối với đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích

Cụ thể hóa quy định phân cấp của Văn phòng trung ương đảng, tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong việc thực hiện các nhiệm vụ đã được cơ quan cấp trên phân cấp, làm căn cứ để xây dựng dự toán, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đảm bảo công khai, minh bạch, thống nhất và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. Tuân thủ theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; bám sát các quy định của Trung ương, của Bộ, ngành về chế độ, chính sách hoạt động của Đảng ủy xã, phường; đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm thực tiễn, khả năng ngân sách của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Sở Tài chính đã chủ trì xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hoạt động đối với đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Dự thảo Nghị quyết được Sở Tài chính tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành tỉnh, Đảng ủy, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở (Công văn số/STC-QLNS ngày .../8/2026). Trên cơ sở các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu (Có Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị vào dự thảo kèm theo); đồng thời rà soát để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định (Công văn số/STC-QLNS ngày .../8/2026). Trên cơ sở thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo số/STP-BCTĐ ngày .../8/2026), sở Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh tại Tờ trình số/TTr-STC ngày .../8/2026.

Dự thảo Nghị quyết đã được thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh tháng .../2026; báo cáo xin ý kiến Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV. TÊN GỌI, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tên gọi Nghị quyết: Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hoạt động đối với đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết được xây dựng dưới hình thức văn bản quy định trực tiếp theo mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Dự thảo Nghị quyết gồm 10 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc chung

Điều 3. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường ban hành

Điều 4. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường ban hành

Điều 5. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm;

giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường

Điều 6. Chi hội nghị

Điều 7. Chi trang phục

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Điều 10. Điều khoản thi hành

3. Nội dung

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của Ban chấp hành đảng bộ xã, phường (sau đây gọi là Đảng ủy xã, phường); Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường và các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường.

b) Đối tượng áp dụng

- Đảng ủy các xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường và các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết này.

Cơ sở đề xuất: Căn cứ quy định tại Điều 1, Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.2. Nguyên tắc chung (Điều 2)

a) Kinh phí trong Quy định này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách.

b) Việc chi tiêu phục vụ hoạt động của Đảng ủy xã, phường phải có trong dự toán, bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này và quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Nội dung chi tại Quy định này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ. Các nội dung chi không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể

trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt quá mức chi tại quy định này; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

Cơ sở đề xuất: Căn cứ quy định tại Điều 3 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.3. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường ban hành (Điều 3)

1. Chi xây dựng văn bản

1.1. Đối với văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

a) Văn bản do Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 25.000.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do Ban thường ủy Đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 15.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi: 15.000.000 đồng/văn bản.”

Cơ sở đề xuất: Mức chi bằng 50% mức chi của Tỉnh ủy theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

1.2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi tối bằng 60% quy định tại điểm 1.1, Khoản 1 Điều này.

Cơ sở đề xuất: Bằng quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng”.

1.3. Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a, điểm b khoản này: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

Cơ sở đề xuất: Áp dụng quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

1.4. Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Đảng ủy xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường xem xét, quyết định mức chi.

Mức chi quy định tại khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Chi xây dựng dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, đề án, báo cáo giải trình nếu có).

b) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

c) Chi thuê chuyên gia (nếu có), sản phẩm là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp. Mức khoán chi chuyên gia tối đa không quá 10% tổng mức chi xây dựng văn bản.

d) Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học, Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo các quy định hiện hành.”

Cơ sở đề xuất: Áp dụng quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

2.1. Mức chi

a) Văn bản trình Đảng ủy xã, phường

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 7.500.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản. Trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 5.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 5.000.000 đồng/văn bản.

Cơ sở đề xuất Mức chi bằng 50% mức chi của Tỉnh ủy theo hướng dẫn tại tiết a, b điểm 2.1, khoản 2 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

Cơ sở đề xuất: Bằng mức quy định tại tiết c, điểm 2.1, khoản 2 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2.2. Mức chi quy định tại điểm 2.1 Khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

2.3. Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cần thuê chuyên gia, Văn phòng Đảng ủy xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường xem xét, quyết định mức chi.

Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

2.4. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

Lý do, cơ sở đề xuất: Theo quy định tại điểm 2.2, điểm 2.3, điểm 2.4 khoản 2 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

3.4. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường (Điều 4)

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng ủy xã, phường: Mức chi 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của Đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy: Mức chi 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy xã, phường; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy xã, phường; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của Đảng ủy xã, phường: Mức chi 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của Đảng ủy xã, phường: Mức chi 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy xã, phường, Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường: Mức chi 2.500.000 đồng/văn bản.”

Cơ sở đề xuất: Mức chi quy định tại mục 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên áp dụng bằng 50% mức chi của cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.5. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy xã, phường; Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường (Điều 5)

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).”

Cơ sở đề xuất: Mức chi nêu trên áp dụng bằng 50% mức chi của cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi hợp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Cơ sở đề xuất: Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.”

Cơ sở đề xuất: Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.6. Chi hội nghị (Điều 6)

Chế độ chi hội nghị thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; đối với tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ của đại biểu và khách mời một số hội nghị được quy định như sau:

1. Hội nghị do Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường triệu tập và chủ trì (không bao gồm hội nghị thường kỳ của Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường) được khoán chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị; mức chi bằng mức chi quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với đại

biểu ở xa phải nghỉ lại trong thời gian hội nghị, thì được chi tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại khoản 4, Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Cơ sở đề xuất: Để đảm bảo đồng bộ, thống nhất mức chi tương đồng với mức chi quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

2. Hội nghị tổng kết năm theo ngành của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường tổ chức được khoán chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị; mức chi bằng mức chi quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh.

Cơ sở đề xuất: Để đảm bảo đồng bộ, thống nhất mức chi tương đồng với mức chi quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

3.7. Chi trang phục (Điều 7)

Các đồng chí ủy viên Ban thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi: 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Quốc hội hoặc là Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân. (Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Cơ sở đề xuất: Mức chi áp dụng bằng 50% mức chi của cấp tỉnh theo quy định tại Điều 9 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.8. Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 8)

Ngân sách xã, phường đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Cơ sở đề xuất: Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

3.9. Tổ chức thực hiện (Điều 9)

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Cơ sở đề xuất: Việc quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm Nghị quyết được triển khai thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng định mức và phù hợp với quy định của pháp luật.

3.10. Điều khoản thi hành (Điều 10)

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng 8 năm 2026.
2. Các nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy và các quy định hiện hành khác.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan nêu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Cơ sở đề xuất: Phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): không

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành văn bản

a) Về nguồn nhân lực thực hiện: Việc thực hiện Nghị quyết không làm phát sinh tăng biên chế. Các cơ quan sử dụng bộ máy hành chính, đội ngũ công chức, viên chức hiện có và kinh phí bảo đảm từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

b) Về kinh phí thực hiện khi ban hành Nghị quyết: Do ngân sách địa phương đảm bảo theo Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội

dung của Nghị quyết; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có).

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Dự kiến trình HĐND tỉnh khóa XVI xem xét, thông qua vào kỳ họp chuyên đề, ngày tháng 8 năm 2026

VII. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - (2) Bản thuyết minh nội dung quy định
 - (3) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân
 - (4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
 - (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu thẩm định văn bản của Sở Tư pháp
 - (6) Tập các văn bản tham gia của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường.
- Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Quang Trung